

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM BẰNG BIỆN PHÁP HÒA BÌNH THEO LUẬT PHÁP QUỐC TẾ THỰC TIỄN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ThS TRƯƠNG KÔNG LỆNH

Khoa Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị khu vực III

Ngày nhận:

6-1-2026

Ngày thẩm định, đánh giá:

4-2-2026

Ngày duyệt đăng:

10-2-2026

Tóm tắt: Biển, đảo là bộ phận lãnh thổ thiêng liêng, bất khả xâm phạm của quốc gia, không chỉ khẳng định chủ quyền và ranh giới lãnh thổ mà còn gắn liền với giá trị văn hóa, tinh thần dân tộc, là cửa ngõ mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo chính là bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, giữ vững hòa bình, ổn định để phát triển đất nước bền vững. Hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển, giải quyết tranh chấp, xung đột bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc và Luật pháp quốc tế luôn là đường lối nhất quán, xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung và bảo vệ chủ quyền biển, đảo nói riêng. Bài viết tập trung làm rõ thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với công tác bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng biện pháp hòa bình của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa:

Bảo vệ chủ quyền biển, đảo; biện pháp hòa bình; luật pháp quốc tế

1. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam bằng biện pháp hòa bình

Việt Nam là quốc gia ven biển có đường bờ biển dài hơn 3.200 km, với hàng nghìn đảo lớn, nhỏ, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa án ngữ trên Biển Đông tạo thành tổng thể diện tích vùng biển rộng trên 1 triệu km². Vùng biển Việt Nam có vị trí địa chiến lược ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương cùng với hệ sinh thái và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là dầu khí và thủy sản - điều kiện thuận lợi hơn để phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia. Thực tiễn 40 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam và

Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chủ động, tích cực triển khai đồng bộ nhiều chủ trương, chính sách pháp luật nhằm bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng và thực hiện đúng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc và Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982). Điều này được thể hiện trên một số nội dung sau:

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện chủ trương, chính sách pháp luật về bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng biện pháp hòa bình dựa trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp quốc và luật pháp quốc tế



Hội thảo khoa học cấp quốc gia: “Đấu tranh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam qua 40 năm đổi mới (1986-2026), tại Đà Nẵng, ngày 2-12-2025 (Ảnh: hcma3.hcma.vn)

Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của Hiến chương Liên Hợp quốc và luật pháp quốc tế trong bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển nhằm duy trì môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Điều này được thể hiện rõ trong các Văn kiện quan trọng của Đảng về biển, như: Nghị quyết số 03-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 6-5-1993 “Về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt”. Đây là một trong những văn bản đầu tiên của Đảng đặt ra yêu cầu cấp bách phải: “Tham gia vào những công ước biển tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ lợi ích quốc gia khi giải quyết tranh chấp và hỗ trợ cho phát triển kinh tế biển nước ta. Tham gia vào các tổ chức quốc tế về khoa học, khai thác và quản lý biển, chủ động đảm nhiệm và có đóng góp đáng kể vào các phần hoạt động liên quan đến biển Đông”¹, đồng thời yêu cầu “Bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về biển và nâng cao hiệu lực thực hiện”². Tiếp theo đó, trong Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa X, ngày 9-2-2007 “Về

Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”, Đảng đề ra mục tiêu: “Đến năm 2020, phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước giàu mạnh”, trên cơ sở: “Kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo của Tổ quốc”³; “nắm chắc luật pháp và tập quán quốc tế để giải quyết kịp thời, có hiệu quả các tranh chấp biển, đảo; không để xảy ra các điểm nóng”⁴. Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, ngày 22-10-2018 “Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” xác định: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia trên biển, đồng thời chủ động, tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế,

nhất là Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển 1982; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển”⁵. Trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội XIV, Đảng tiếp tục xác định quan điểm, lập trường: “Kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam; thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển bằng các biện pháp hòa bình, tăng cường hợp tác quốc tế, đảm bảo an ninh, an toàn, tự do hàng hải và hàng không ở biển Đông trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982”⁶.

Như vậy, quan điểm, chủ trương bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng biện pháp hòa bình theo Luật pháp quốc tế của Đảng là nhất quán, xuyên suốt, là cơ sở để Nhà nước từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển phù hợp với những quy định chung của luật pháp quốc tế.

Ngày 21-6-2012, lần đầu tiên trong lịch sử, Quốc hội khóa XIII đã thông qua *Luật Biển Việt Nam* với nội dung tương thích với UNCLOS 1982, quy định chế độ pháp lý của các vùng biển Việt Nam, đảo và quần đảo, khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển. Trong khoản 3 điều 4 có đề cập: “Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế”⁷. Đây không chỉ là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, quản lý và phát triển kinh tế biển đảo, là cơ sở cho những hoạt động đấu tranh ngoại giao trước các tranh chấp trên Biển Đông đang ngày càng phức tạp mà còn là bước tiến quan trọng thể hiện những cam kết tuân thủ những quy định UNCLOS 1982 của Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam đã từng bước xây dựng, bổ sung và hoàn thiện một số luật khác có liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo

như: *Luật Biên giới quốc gia* (2003); Bộ *Luật hàng hải Việt Nam* (2015); *Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo* (2015); *Luật Thủy sản* (2017); *Luật Quy hoạch* (2017); *Luật Du lịch* (2017); *Luật Cảnh sát biển Việt Nam* (2018); *Luật Dầu khí* (2022); *Luật Phòng thủ dân sự* (2023)... Có thể thấy, hệ thống pháp luật Việt Nam về biển, đảo tương đối toàn diện, từ xác định chủ quyền, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế đến bảo vệ quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế về biển, đảo đều có quy định pháp lý rõ ràng về bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên cơ sở tôn trọng những quy định của luật pháp quốc tế.

Thứ hai, thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo phù hợp với luật pháp quốc tế

Dựa trên cơ sở luật pháp quốc tế và quán triệt thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo, đặc biệt là Nghị quyết số 09-NQ/TW 9-2-2007 “Về chiến lược biển đến năm 2020” và Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22-10-2018 “Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, đến nay, đã hình thành nhiều khu sản xuất, đánh bắt, chế biến hải sản lớn, nhiều mô hình kinh tế biển hiệu quả; hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, việc xây dựng các khu kinh tế cùng với phát triển đồng bộ, hiện đại một số ngành công nghiệp thế mạnh của vùng biển được chú trọng như đóng tàu, khai thác dầu khí, vận tải, du lịch, dịch vụ hậu cần, cứu hộ biển... đóng góp quan trọng vào nền kinh tế. Theo đó, “GRDP của 28 tỉnh/thành phố ven biển theo giá hiện hành năm 2022 đạt mức 4.786 nghìn tỷ đồng, chiếm 49,8% GDP cả nước”⁸. Cả nước có 19 khu kinh tế ven biển nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt với tổng diện tích khoảng 871,5 nghìn ha...⁹. Những địa phương có thế mạnh về phát triển kinh tế biển như Đà Nẵng, Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Bà Rịa-Vũng Tàu (nay là thành phố Hồ Chí Minh) đã hình thành các trung

tâm kinh tế biển quan trọng. Hoạt động du lịch biển cũng từng bước phát triển thể hiện vai trò chủ đạo của du lịch biển trong toàn ngành du lịch. Năm 2021, các địa phương ven biển chiếm 53,6% tổng số doanh nghiệp lữ hành và 66,7% cơ sở lưu trú trên cả nước¹⁰, đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam.

Hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại đang được hình thành nhanh chóng tại các địa phương ven biển. Cả nước có 298 bến cảng, với 34 tỉnh thành trong cả nước có cảng, bến cảng¹¹. Trong đó, có 2 cảng biển loại đặc biệt là cảng biển Hải Phòng và cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu; 11 cảng biển loại I; 7 cảng biển loại II và 14 cảng biển loại III. Cảng Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng Tàu đã lọt vào nhóm 50 cảng biển có lượng hàng container thông quan lớn nhất thế giới¹². Hạ tầng các cảng này đủ sức tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa khối lượng siêu trường, siêu trọng, giúp Việt Nam có lợi thế vận chuyển hàng hóa trong cả cự ly ngắn các tuyến đi nội Á và các tuyến biển xa đến châu Âu, Bắc Mỹ với ưu thế giá thành rẻ.

Việt Nam cũng đã thúc đẩy hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế biển trong khuôn khổ luật pháp quốc tế, thể hiện nguyên tắc bình đẳng chủ quyền và hợp tác cùng có lợi theo luật pháp quốc tế. Có thể kể đến hợp tác về nuôi trồng, khai thác thủy sản với Trung Quốc, Campuchia, Malaysia, Indonesia, Na Uy, Pháp, EU...; hợp tác về khai thác dầu khí với Tập đoàn SOCO International Ed Story (Anh), Tập đoàn Exxon Mobil (Mỹ), Malaysia, Liên doanh Việt - Nga (VietsovPetro), hợp tác của Tập đoàn dầu khí Petro Việt Nam với Công ty Dầu khí quốc gia Philippin (PNOC) và Tổng Công ty Dầu khí quốc gia ngoài khơi Trung Quốc (CNOOC). Hợp tác khai thác tài nguyên biển khác như: Điện gió ngoài khơi La Gàn Asia Petro, Novasia Energy và Copenhagen Infrastructure Partners (Đan Mạch), điện gió với HBRE Group và EDF (Pháp), Dự án điện gió với

Tập đoàn Enterprize Energy cùng các đối tác nước ngoài là Société Générale (SOC GEN), MHI Vestas Offshore Wind (MVOW), ODE; cơ quan Hợp tác phát triển quốc tế Hoa Kỳ hỗ trợ Việt Nam (USAID) nghiên cứu tiềm năng điện sóng biển¹³... Ngoài ra, trong các lĩnh vực chuyên ngành về biển, Việt Nam cũng đã thiết lập được mạng lưới hợp tác quốc tế về biển rộng mở với quốc gia và các tổ chức quốc tế có tiềm lực kinh tế, khoa học, công nghệ mạnh về biển như Nga, Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản, Mỹ, Australia, Trung Quốc... giúp Việt Nam tranh thủ tối đa các nguồn lực, sự hỗ trợ quốc tế để nâng cao năng lực quản lý, khai thác và bảo vệ môi trường, chủ quyền biển, đảo. Bên cạnh đó, việc chú trọng phát triển kinh tế biển gắn với tiến bộ xã hội và an sinh cư dân biển được xem là một giải pháp giúp xây dựng “thế trận lòng dân” trên biển. Chính phủ thực hiện nhiều chính sách đồng bộ như: hoàn thiện khung pháp lý quy định rõ ràng quyền tiếp cận và khai thác hợp pháp nguồn lợi thủy sản; còn thiết lập cơ chế bảo vệ ngư dân trước thách thức sinh kế; ưu đãi, hỗ trợ tài chính và nâng cấp đội tàu hiện đại tạo điều kiện để ngư dân an tâm tiếp tục kiên trì đánh bắt hải sản trong vùng biển Việt Nam, trong đó có vùng biển thuộc quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Chính vì vậy, đời sống của người dân ven biển và ngư dân ngày càng ổn định, “GRDP bình quân đầu người của các tỉnh ven biển năm 2022 đạt 97,2 triệu đồng, cao hơn bình quân cả nước (96,6 triệu đồng)”¹⁴, từ đó ngư dân tích cực bám biển, góp phần vào bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Thứ ba, chủ động, tích cực tham gia giải quyết các vấn đề về biển và tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế

Hiến chương Liên Hợp quốc (1945) là văn bản pháp lý được các quốc gia thành viên công nhận và cam kết thực hiện nhằm mục đích “duy trì hòa bình và an ninh quốc tế”, bảo đảm phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác về các lĩnh vực của đời sống chính

trị, kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường... trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của các dân tộc; đồng thời “thi hành những biện pháp tập thể có hiệu quả để phòng ngừa và loại trừ các mối đe dọa hòa bình, cấm mọi hành vi xâm lược và phá hoại hoà bình khác; điều chỉnh hoặc giải quyết các vụ tranh chấp hoặc những tình thế có tính chất quốc tế có thể đưa đến sự phá hoại hòa bình, bằng phương pháp hòa bình theo đúng nguyên tắc của công lý và pháp luật quốc tế”¹⁵. Trên cơ sở đó, UNCLOS 1982 ra đời “Với lòng mong muốn giải quyết, trên tinh thần hiểu biết và hợp tác với nhau, mọi vấn đề liên quan đến luật biển, và ý thức được tầm vóc lịch sử của Công ước là một cống hiến quan trọng vào việc giữ gìn hòa bình, công lý và tiến bộ cho tất cả các dân tộc trên thế giới”¹⁶. Các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc và luật pháp quốc tế (trực tiếp là UNCLOS 1982) là cơ sở pháp lý quan trọng giúp để Việt Nam định hình những cơ chế, cách thức phù hợp nhằm đảm bảo thực thi và bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và lợi ích quốc gia - dân tộc trên biển.

Trong những năm qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc giải quyết các vấn đề về biển, đảo và tranh chấp trên biển với các quốc gia láng giềng và các quốc gia có tranh chấp chủ quyền trên biển Đông, dựa trên yếu tố cốt lõi luôn được đề cao là nguyên tắc công bằng để tìm ra giải pháp hợp lý cho các bên. Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã đàm phán, ký kết nhiều hiệp định, thỏa thuận song phương với các nước láng giềng để xác định ranh giới biển, như: Thỏa thuận về Hợp tác thăm dò khai thác chung vùng chồng lấn Việt Nam - Malaysia (1992); Hiệp định Phân định ranh giới trên biển (1997) với Thái Lan; Hiệp định về Vùng nước lịch sử (1982) với Campuchia; Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định Hợp tác Nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ (2000) với Trung Quốc; Hiệp định Phân định ranh giới thềm lục địa (2003) và đã hoàn tất đàm phán vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) vào cuối

năm 2022; Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chi đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc, ngày 11-10-2011,...

Ở cấp độ khu vực, Việt Nam cũng là nước đi đầu trong việc vận động các quốc gia trong khu vực ASEAN tuân thủ những quy định của UNCLOS 1982 vào soạn thảo các văn kiện của ASEAN, các văn kiện của ASEAN với Trung Quốc, nhất là “Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông” (DOC). Đồng thời, Việt Nam cũng xúc tiến việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng và ký kết Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC). Đây là văn kiện có tính ràng buộc pháp lý cao hơn DOC, giúp thiết lập cơ chế thực thi, giám sát hiệu quả, quy định rõ các biện pháp kiểm chế và quản lý sự cố, qua đó thúc đẩy hợp tác thực chất trong các lĩnh vực biển ít nhạy cảm nhằm ngăn ngừa xung đột và duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực.

Ở cấp độ toàn cầu, Việt Nam cũng là quốc gia tích cực tham gia xây dựng, đàm phán, ký kết các văn kiện quốc tế liên quan đến biển, như: Công ước Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) (1984); Công ước quốc tế về An toàn sinh mạng trên biển 1974 (SOLAS 74) (1991); Công ước quốc tế về Ngăn ngừa hành vi bất hợp pháp đe dọa an toàn hàng hải 1988 (SUA 88) (2000); Quy tắc quốc tế về Phòng ngừa va chạm trên biển (1988); Công ước về Tìm kiếm cứu nạn 1979 (SAR 79) (2007);... Và mới đây nhất, vào tháng 6-2025, Việt Nam là một trong số nước đầu tiên ký kết Hiệp định về Biển cả (BBNJ) quy định những nội dung về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển tại vùng biển nằm ngoài phạm vi tài phán quốc gia nhằm bảo vệ hệ sinh thái đại dương chung.

Thứ tư, kiên quyết, kiên trì vừa hợp tác vừa đấu tranh trên thực địa

Thực tiễn trong 40 năm đổi mới, quán triệt đường lối quốc phòng “4 không” (Không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước

kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế) và phương châm: “Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp, bảo vệ được chủ quyền, biển, đảo, vùng trời và giữ được hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”¹⁷, Việt Nam đã triển khai các biện pháp đấu tranh toàn diện, đồng bộ, kiên quyết, kiên trì trước các hoạt động xâm phạm chủ quyền và lợi ích quốc gia ở Biển Đông. Việt Nam đã duy trì lực lượng thường trực đóng quân trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa và các nhà giàn thuộc thềm lục địa phía Nam, luôn kiên quyết sẵn sàng bảo vệ chủ quyền. Các lực lượng chấp pháp trên biển của Việt Nam như: Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, Hải quân nhân dân Việt Nam và lực lượng Kiểm ngư ngày càng được đầu tư về tổ chức biên chế, hiện đại hóa vũ khí trang bị, tàu thuyền, phối hợp chặt chẽ quản lý tổng hợp và bảo vệ toàn diện chủ quyền, an ninh, trật tự trên biển. Tăng cường hoạt động tuần tra trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, xua đuổi, xử lý, ngăn chặn các hành vi phá hoại tàu thuyền hoặc xâm phạm chủ quyền vùng biển, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Các lực lượng chấp pháp phối hợp với Bộ Ngoại giao kịp thời triển khai nhiều biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ngư dân Việt Nam thực hiện hoạt động khai thác trên biển.

Đồng thời, Việt Nam đã tích cực tham gia vào các cơ chế hợp tác đa phương và song phương, chủ động thiết lập các kênh thông tin liên lạc, các đường dây nóng, thúc đẩy các hoạt động tuần tra chung, hợp tác nghề cá trong vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc; phân định với Trung Quốc, Thái Lan và Indonesia; phát triển chung với Malaysia ở Vịnh Thái Lan và nhiều nước khác. Ngoài ra, Việt Nam cũng tích cực tham gia, phối hợp với các nước tiến hành các hoạt động tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn hàng hải, phòng chống các loại tội phạm trên biển (ReCAAP,

HACGAM, POACTC...), bảo vệ môi trường..., cho thấy việc tuân thủ nghiêm túc và biến các quy định UNCLOS 1982 thành thực tiễn trên biển.

Thứ năm, kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ quyền trên mặt trận ngoại giao theo nguyên tắc tôn trọng luật pháp quốc tế

Trên mặt trận ngoại giao, Việt Nam luôn kiên quyết, kiên trì triển khai đấu tranh có hiệu quả ở nhiều cấp độ cả song phương lẫn đa phương, qua các kênh chính thức và không chính thức. Việt Nam nhiều lần gửi công hàm phản đối những hoạt động xâm phạm chủ quyền của các nước trong khu vực đối với vùng biển, đảo của Việt Nam. Tại các cuộc họp báo, hội nghị thường kỳ do Bộ Ngoại giao tổ chức, đại diện phát ngôn Bộ Ngoại giao luôn khẳng định quan điểm, lập trường xuyên suốt và nhất quán của Việt Nam rằng: “Việt Nam có đầy đủ cơ sở lịch sử và pháp lý để khẳng định chủ quyền của mình với quần đảo Trường Sa cũng như quần đảo Hoàng Sa, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế. Là một quốc gia ven Biển Đông và là thành viên của Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) 1982, lập trường nhất quán của Việt Nam và các quốc gia là được hưởng quyền tự do hàng hải và hàng không, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982”¹⁸.

Bên cạnh đó, Việt Nam luôn chủ động đề xuất xây dựng, lồng ghép các nội dung, các tài liệu liên quan đến Biển Đông, làm rõ lập trường, quan điểm và chủ trương giải quyết các tranh chấp và bảo vệ chủ quyền biển, đảo ở Biển Đông của Việt Nam bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế trong các tuyên bố chung giữa các nước với Việt Nam; trên các kênh báo đài, các hoạt động đối ngoại đa phương quốc tế tại các hội nghị, diễn đàn, tổ chức quốc tế, khu vực; qua kênh ngoại giao nhân dân nhằm phục công tác tuyên truyền và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Qua những hoạt động ngoại giao, không chỉ làm rõ lập trường đúng đắn của Việt Nam

trên biển Đông mà còn tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng biện pháp hòa bình.

2. Những vấn đề đặt ra trong bối cảnh mới hiện nay đối với việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng biện pháp hòa bình theo luật pháp quốc tế

Thứ nhất, trong bối cảnh hiện nay, sự cạnh tranh chiến lược, tranh giành lợi ích và ảnh hưởng giữa các nước lớn tại Biển Đông ngày càng quyết liệt. Các nước lớn tìm mọi cách can dự, chi phối các nước chậm hoặc đang phát triển, trong đó, có Việt Nam và các nước ASEAN, trên tất cả lĩnh vực, bằng mọi biện pháp kết hợp kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao,... đặc biệt là thương mại, quốc phòng - an ninh, kiểm soát hàng hải, làm cho môi trường an ninh khu vực này trở nên nhạy cảm, tiềm ẩn nguy cơ va chạm và xung đột. Trong bối cảnh đó, Việt Nam và các nước ASEAN đứng trước thách thức lớn về duy trì đoàn kết nội bộ, thống nhất lập trường chung mạnh mẽ. Tiến trình đàm phán Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) vẫn diễn ra chậm và triển vọng đạt được một văn kiện có tính ràng buộc cao, hiệu lực mạnh mẽ vẫn chưa rõ ràng do sự bất hợp tác của Trung Quốc. Bên cạnh đó, sự gia tăng tranh chấp chủ quyền biển, đảo giữa các quốc gia có liên quan ngày càng phức tạp: tranh chấp vùng chủ quyền chồng lấn, quân sự hóa các đảo, “chạy đua vũ trang” của các quốc gia có tranh chấp; có trường hợp áp đặt tư duy chủ quan, thái độ nước lớn và không ngần ngại sử dụng lực lượng quân sự trong giải quyết tranh chấp, xem thường luật pháp quốc tế. Những diễn biến phức tạp này tác động rất lớn đến chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển, đảo của mình. Điều này đặt ra yêu cầu Việt Nam phải kiên định nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, đồng thời xử lý linh hoạt, khôn khéo các

tình huống phát sinh, tránh bị cuốn vào đối đầu hoặc xung đột.

Thứ hai, việc tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982 giữa các bên tranh chấp ở Biển Đông còn gặp nhiều thách thức. Mặc dù đa số các quốc gia có tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông đều là thành viên của UNCLOS 1982, nhưng một số nước với tham vọng độc chiếm Biển Đông đã cố tình diễn giải sai lệch, tận dụng những kẽ hở và sự không rõ ràng trong UNCLOS để tuyên bố chủ quyền của mình, thậm chí đưa ra các yêu sách thiếu cơ sở pháp lý theo hướng có lợi cho mình. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục củng cố lập luận pháp lý, đấu tranh bằng lý lẽ, bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp luật quốc tế một cách kiên trì, nhất quán.

Thứ ba, năng lực thực thi và bảo vệ pháp luật trên biển của Việt Nam còn hạn chế. Sự thiếu đồng bộ về trang thiết bị, phương tiện, công nghệ, nhân lực chuyên môn cao, cơ sở hạ tầng biển, hệ thống hậu cần, cơ chế giám sát, cứu nạn, cứu hộ... còn nhiều bất cập, làm cho khả năng duy trì sự hiện diện liên tục trên vùng biển rộng lớn của các lực lượng chấp pháp như Cảnh sát biển, Biên phòng, Kiểm ngư, Hải quân còn rất hạn chế. Chính vì vậy, yêu cầu cấp thiết được đặt ra là phải tăng cường mọi nguồn lực đầu tư về con người, trang thiết bị và phương tiện cho các lực lượng chấp pháp nhằm bảo đảm sự hiện diện hợp pháp, liên tục, không ngừng nâng cao hiệu quả thực thi và bảo vệ của các lực lượng chấp pháp trên biển để bảo vệ quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia phù hợp với luật pháp quốc tế.

Thứ tư, an ninh biển, đảo đứng trước các thách thức về an ninh phi truyền thống. Hiện nay, an ninh phi truyền thống đang nổi lên trở thành tâm điểm quan tâm của toàn cầu, trong đó có khu vực Biển Đông. Sự biến đổi theo hướng cực đoan của khí hậu (bão, xâm nhập mặn, nước biển dâng), ô nhiễm môi trường (rác thải nhựa, hóa chất,...), tình trạng

khai thác tận diệt nguồn lợi thủy hải sản bất chấp quy định (IUU) và các hoạt động khác của con người đang làm tổn hại nghiêm trọng đến hệ sinh thái biển, đe dọa đến sự bền vững lâu dài của nguồn tài nguyên. Các hoạt động tội phạm xuyên quốc gia trên biển (cướp biển, ma túy, buôn bán người, buôn lậu và gian lận thương mại), nguy cơ mất an ninh mạng và công nghệ trong lĩnh vực hàng hải - dầu khí... Các thách thức này đan xen và gia tăng không chỉ ảnh hưởng đến hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực mà còn đòi hỏi Việt Nam phải có tầm nhìn chiến lược, giải pháp toàn diện và hợp tác sâu rộng với cộng đồng quốc tế, vừa bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo vừa duy trì môi trường hòa bình, ổn định trên Biển Đông.

Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam từng bước tham gia sâu rộng vào hệ thống luật pháp quốc tế trong đó có UNCLOS 1982 và các luật khác có liên quan về biển, đảo. Trong quá trình đó, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn thể hiện rõ thiện chí, cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh luật pháp quốc tế. Điều này thể hiện rõ bằng việc thể chế hóa hệ thống pháp luật về biển; phát triển và hợp tác kinh tế biển; chủ động tích cực tham gia giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình; kiên quyết, kiên trì đấu tranh trên thực địa và mặt trận ngoại giao theo UNCLOS 1982 và các luật quốc tế khác có liên quan. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, vẫn còn không ít những vấn đề cấp bách đặt ra như cạnh tranh chiến lược, tranh chấp chủ quyền, chạy đua vũ trang, lợi dụng kẽ hở luật pháp quốc tế và tác động của những vấn đề an ninh phi truyền thống..., đã và đang gây ra không ít thách thức đối với công tác bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng biện pháp hòa bình theo luật pháp quốc tế, đòi hỏi Việt Nam cần kịp thời có những chủ trương, quyết sách đối phó phù hợp để vừa bảo vệ được chủ quyền, vừa giữ được môi trường hòa bình, hợp tác, phát triển đất nước.

- 1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2007, T. 52, tr. 582, 582
- 3, 4. *Sđd*, H, 2018, T. 66, tr. 49, 54
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2018, tr. 104-105
6. <https://nhandan.vn/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-post941769.html>, ngày đăng 6-2-2026
7. Khoản 3 điều 4 Luật Biển Việt Nam, <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=163056>
8. <https://tapchicongthuong.vn/giai-phap-phat-trien-kinh-te-bien-viet-nam-huong-den-muc-tieu-nam-2030-139079.htm>, ngày truy cập 10-12-2025
9. <https://thiennhienmoitruong.vn/ca-nuoc-hien-co-19-khu-kinh-te-ven-bien-nam-trong-quy-hoach-da-duoc-phe-duyet.html>, ngày truy cập 15-12-2025
- 10, 12. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/06/10/phat-trien-kinh-te-ven-bien-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap/>, ngày đăng 10-6-2025
11. <https://vtv.vn/xa-hoi/bo-xay-dung-cong-bo-danh-muc-cang-bien-viet-nam-20250331113538765.htm>, ngày đăng 31-3-2025
13. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/10/26/hop-tac-khai-thac-tai-nguyen-bien-dong-cua-viet-nam/>, ngày đăng 26-10-2021
14. <https://tapchicongthuong.vn/giai-phap-phat-trien-kinh-te-bien-viet-nam-huong-den-muc-tieu-nam-2030-139079.htm>, ngày đăng 12-6-2025
15. Khoản 1, Điều 1, *Hiến Chương Liên Hợp quốc năm 1945*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Hien-Chuong-Lien-hop-quoc-1945-229045.aspx>
16. Vũ Đình Quyền: *Bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông*, Nxb Hồng Đức, 2016, tr. 155
17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQGST, H, 2016, tr. 146
18. <http://baoquocte.vn/viet-nam-len-tieng-ve-viec-tau-my-ap-sat-da-vanh-khan-49764.html>, ngày đăng 25-5-2017.